TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 19/5/2020
V/v: " ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Bà Võ Thị Mai

-Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa :

Bà Nguyễn Thị Hải OAh – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 1620/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về trAh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 32A/2020/QĐXX -ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị ThAh T, sinh năm 1984 ; địa chỉ cư trú số: 102/102 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1984 ; địa chỉ cư trú số: 118/1/4 Lê Văn Thọ, Phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

(Bà T có đơn xin xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lê Thị ThAh T trình bày:

Bà Lê Thị ThAh T và ông Trần Minh T1 chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ bA nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 280 Quyển số 01/2008 ngày 30/9/2008. Hiện có 03 người con chung tên Trần Mỹ A – sinh ngày 06/8/2008, Trần Yến N – sinh ngày 06/8/2012 và Trần T1 L – sinh ngày 18/7/2017.

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình và cách sống khác biệt, do bất đồng quA điểm, ông T1 hiện nay đã có người phụ nữ khác không chia sẻ trách Nệm trong gia đình khiến cuộc sống của bà không thể chịu đựng. Hai bên cũng đã cố gắng ngồi lại để tìm phương án giải quyết nhưng không có kết quả, và từ ngày 08 tháng 11 năm 2018 bà và ông T1 chính thức ly thân mỗi người một nơi. Sự việc kéo dài, bà T không thể chịu đựng nên yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

Trường hợp ly hôn :

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Mỹ A – sinh ngày 06/8/2008, Trần Yến N – sinh ngày 06/8/2012 và Trần T1 Long – sinh ngày 18/7/2017. Hiện 03 con chung đAg do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không đến làm việc và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không ghi được ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà T có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quA điểm như trên.

Ông T1 vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về quA hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Đây là trAh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng : chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng :*

Về quA hệ trAh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án trAh chấp về ‘ ly hôn’ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định tại các Điều 171, 173, 175, 176, 177 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T1 vắng mặt, bà T do bận công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1 theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

- Về quA hệ vợ chồng:

Bà T và ông T1 chung sống từ năm 2008 có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của ông T1 và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T thì cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính tình và cách sống, thường xuyên mâu thuẫn, ông T1 có người phụ nữ khác bên ngoài nên không có trách Nệm gì với gia đình. Hai bên cũng đã ngồi lại tìm phương án tự giải quyết nhưng không có kết quả. Vào tháng 11/2018 bà và ông T1 chính thức ly thân mỗi người một nơi không ai chăm sóc cho ai nên bà yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

Theo kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ Phường 11 quận Gò Vấp có nội dung « *cuộc sống vợ chồng giữa ông T1 và bà T có phát sinh mâu thuẫn, ông T1 không còn chung sống cùng bà T và các con, ông T1 hiện sống chung với người khác bên ngoài. Ông T1 và bà T có 03 người con chung* »

Xét thấy, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho bà T và ông T1 mục đích hôn nhân không đạt được, ông T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông T1 cũng không còn quA tâm đến cuộc sống chung, vợ chồng không có sự quA tâm chia sẽ gắn bó lẫn nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà T được ly hôn với ông T1.

- Về con chung:

Xét thấy, ông T1 và bà T có 03 người con chung tên Trần Mỹ A – sinh ngày 06/8/2008, Trần Yến N – sinh ngày 06/8/2012 và Trần T1 Long – sinh ngày 18/7/2017. Xét, hiện cả 03 con chung đAg ở với bà T, ông T1 vắng mặt không có ý kiến gì chứng tỏ ông T1 không còn quA tâm đến con chung. Để bảo đảm sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quA hệ vợ chồng: Bà Lê Thị ThAh T được ly hôn với ông Trần Minh T1

Chấm dứt quA hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số số 280 Quyển số 01/2008 ngày 30/9/2008 do Uỷ bA nhân dân phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Về con chung: Giao 03 người con chung tên Trần Mỹ A – sinh ngày 06/8/2008, Trần Yến N – sinh ngày 06/8/2012 và Trần T1 Long – sinh ngày 18/7/2017 cho bà Lê Thị ThAh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T1 đến khi bà T có yêu cầu

Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Người được cấp dưỡng cha, mẹ, người giám hộ của người được cấp dưỡng, cá nhân, cơ quA, tổ chức theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó.

- Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: 0025136 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân q. GV;
- Chi cục Thi hành án dân sự q. GV;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**